

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2025/HS-ST**
Ngày: 14-3-2025

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Ân

Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm 1996, tại tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp Voi L, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Kim O; bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2024 (có mặt).

- Bị hại: Ông Đoàn Văn G, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Voi L, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Thạnh Đ, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bà Đoàn Kim O, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Thạnh Đ, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 14/10/2024, Nguyễn Tấn T đang ở nhà tại ấp Voi L, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An thì có tên H (chưa rõ lai lịch) là bạn bè ngoài xã hội đến nhà chơi và rủ T đi tìm kiếm tài sản của người dân sở hữ để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. T và H đi ra trước cửa nhà thấy hẻm đi chung có 01 xe mô tô honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-708.36 của Đoàn Văn G đang đậu cặp hẻm, không người trông coi. T đứng canh giới, H đi bộ lại gần xe mô tô biển số 62N1-708.36 thấy xe không khóa cổ, H dùng tay rút dây ổ khoá xe ra rồi kêu T dẫn xe ra đường. T và H đi bộ đẩy xe mô tô biển số 62N1-708.36 ra đường đoạn khoảng 500m, T nổ máy điều khiển xe chở H ra thị trấn Bến Lức nhờ người bạn tên Trọng E1 (chưa rõ lai lịch) bán xe. Sau đó, Trọng E1 dẫn T và H đến cửa hàng mua bán xe máy Khánh Phong, địa chỉ: ấp 1, xã Thạnh Đ, huyện Bến L, tỉnh Long An do Lê Văn Th làm chủ. Tại đây, T đưa cho ông Th một giấy đăng ký xe mô tô, cam đoan là xe của mình, không phải tài sản trộm cắp, ông Th tin là thật nên mua xe mô tô biển số 62N1-708.36 với giá 7.000.000đồng. T chia cho Trọng E1 1.500.000đồng, cho H 1.000.000đồng, còn lại 4.500.000đồng T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe mô tô biển số 62N1-708.36, ông Th đã bán cho người thanh niên (chưa rõ lai lịch) được số tiền 7.500.000đồng, Cơ quan điều tra không thu hồi xe được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 23/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-70836, trị giá 7.750.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Đoàn Văn G trình bày: Ông G yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị T sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-70836 với số tiền 7.750.000đồng. Bà Đoàn Kim O đã bồi thường cho ông được số tiền 500.000đồng. Do đó, ông G yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 7.250.000đồng. Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tấn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng tội bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 30/CT-BL ngày 13/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho ông Đoàn Văn G số tiền 7.250.000đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả cho ông Lê Văn Th số tiền 7.500.000đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và bị hại đã được thông báo nội dung Kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 23/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức. Bị cáo và bị hại thống nhất, không khiếu nại về nội dung kết luận định giá.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Xét hành vi của bị cáo: Bị cáo T khai nhận tại tòa, bị cáo T và người thanh niên tên H (chưa rõ lai lịch) là bạn bè ngoài xã hội. Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 14/10/2024, H đến nhà chơi và rủ T đi tìm kiếm tài sản để trộm thì T đồng ý. T và H phát hiện 01 xe mô tô honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-708.36 của ông G đang đậu cặp hẻm, không người trông coi. Bị cáo T đứng canh giới, còn H đi bộ lại gần xe mô tô biển số 62N1-708.36 thấy xe không khóa cổ, H dùng tay rút dây ổ khóa xe ra rồi kêu bị cáo T dẫn xe ra đường. Bị cáo T và H đi bộ đẩy xe mô tô biển số 62N1-708.36 ra đường đoạn khoảng 500m, bị cáo T nổ máy điều khiển xe chở H ra thị trấn Bến Lức nhờ người bạn tên Trọng E1 (chưa rõ lai lịch) bán xe. Sau đó, Trọng E1 dẫn T và H đến cửa hàng mua bán xe máy Khánh Phong do Lê Văn Th làm chủ bán được số tiền 7.000.000đồng, chia nhau

tiêu xài cá nhân hết. Lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T là người có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ việc cần có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo lợi dụng việc ông G sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông G là 01 xe mô tô honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-708.36, trị giá 7.750.000đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến tài sản của ông G được pháp luật hình sự bảo vệ. Như vậy, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát NH dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến mẹ ruột là bà Đoàn Kim O bồi thường cho ông G số tiền 500.000đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét hình phạt: Hành vi của bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [4] để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 tháng đến 01 năm tù là phù hợp với tính chất của vụ án và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, không có thu nhập nên căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Đoàn Văn G yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 7.250.000đồng. Tại tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 7.250.000đồng theo yêu cầu của ông G nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo T. Buộc bị cáo T bồi thường cho ông G số tiền 7.250.000đồng.

[8]. Về vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-70836, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không xét đến.

Trả cho ông Lê Văn Th số tiền 7.500.000đồng.

[9]. Đối với hành của các đối tượng liên quan:

Đối với đối tượng tên H (chưa rõ lai lịch) có hành vi trộm cắp T sản và đối tượng tên Trọng E1 (chưa rõ lai lịch) có hành vi tiêu thụ T sản do bị cáo T trộm cắp mà có. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo pháp luật.

Đối với ông Lê Văn Th có hành vi mua xe mô tô honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số 62N1-70836 nhưng ông Th không biết xe này do bị cáo T trộm cắp mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với ông Th là phù hợp.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/10/2024.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 14/3/2025) để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho ông Đoàn Văn G số tiền 7.250.000đồng (bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho ông Lê Văn Th số tiền 7.500.000đồng.

(vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang giữ theo quyết định chuyên vật chứng ngày 13/02/2025).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 362.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bến Lức;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh Long An;
- Phân trại tạm giam khu vực Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông